

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC**Chương I**

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 2a-LCT/HĐNN8 ngày 30-12-1987 công bố **Pháp lệnh** **Tổ chức luật sư.**

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

NAY CÔNG BỐ :

Pháp lệnh Tổ chức luật sư đã được Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1987.

T.M. Hội đồng Nhà nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

PHÁP LỆNH ngày 18-12-1987 **Tổ chức luật sư.**

Để tăng cường hoạt động giúp đỡ pháp lý cho công dân và các tổ chức ;

Căn cứ vào điều 100 và điều 133 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức luật sư.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Tổ chức luật sư ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là các Đoàn luật sư được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương để giúp công dân và các tổ chức về mặt pháp lý.

Điều 2. — Bằng hoạt động của mình, tổ chức luật sư góp phần tích cực bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý kinh tế và quản lý xã hội theo pháp luật ; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và các tổ chức ; góp phần vào việc giải quyết các vụ án được khách quan, đúng pháp luật ; góp phần thực hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ; giáo dục công dân tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. — Tổ chức luật sư và các luật sư hoạt động theo pháp luật, tôn trọng thật khách quan.

Điều 4. — Tổ chức luật sư và các luật sư được Nhà nước và xã hội khuyến khích, giúp đỡ trong hoạt động nghề nghiệp.

Điều 5. — Bộ Tư pháp hướng dẫn kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Đoàn luật sư theo Quy chế Đoàn luật sư do Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

Điều 6. — Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp giám sát hoạt động của Đoàn luật sư tại địa phương ; tạo điều kiện và giúp đỡ Đoàn luật sư và các luật sư thực hiện tốt nhiệm vụ.

Chương II**ĐOÀN LUẬT SƯ**

Điều 7. — Đoàn luật sư là tổ chức nghề nghiệp của các luật sư.

Khi có từ hai người trở lên có đủ điều kiện làm luật sư quy định ở điều 11 của Pháp lệnh này đề nghị và được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương giới thiệu, Ủy ban Nhân dân cùng cấp ra quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Căn cứ vào quyết định của Ủy ban Nhân dân, những người có đề nghị nói ở đoạn 1 của điều này tổ chức hội nghị thành lập Đoàn luật sư. Hội nghị thông qua Điều lệ và bầu ra các cơ quan của Đoàn theo Quy chế Đoàn luật sư.

Điều 8. — Hội nghị toàn thể Đoàn luật sư là cơ quan cao nhất của Đoàn luật sư.

Hội nghị toàn thể bầu ra Ban chủ nhiệm và Ban kiểm tra. Nhiệm kỳ của Ban chủ nhiệm và Ban kiểm tra là 3 năm.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội nghị toàn thể, Ban chủ nhiệm và Ban kiểm tra do Quy chế Đoàn luật sư quy định.

Điều 9. — Đoàn luật sư thông qua Ban chủ nhiệm tổ chức các hoạt động của luật sư.

Điều 10. — Đoàn luật sư có tư cách pháp nhân và tiến hành hoạt động nghề nghiệp kể từ ngày đăng ký tại Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương.

Chương III

LUẬT SƯ

Điều 11. — Những người có đủ các điều kiện sau đây có thể gia nhập Đoàn luật sư:

1. Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Có phẩm chất, đạo đức tốt;
3. Tốt nghiệp đại học pháp lý hoặc có trình độ pháp lý tương đương.

Những người đang công tác tại các cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp chế không được gia nhập Đoàn luật sư, trừ những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy về pháp lý tại các viện nghiên cứu và các trường thuộc các cơ quan đó.

Việc gia nhập Đoàn luật sư phải được Hội nghị toàn thể Đoàn luật sư thông qua, theo đề nghị của Ban chủ nhiệm.

Điều 12. — Người mới được gia nhập Đoàn luật sư phải qua một thời gian tập sự từ 6 tháng đến 2 năm và một kỳ kiểm tra mới được công nhận là luật sư.

Chế độ tập sự, thẻ thức kiểm tra và những trường hợp được miễn, giảm thời hạn tập sự do Quy chế Đoàn luật sư quy định.

Luật sư tập sự được bào chữa và làm các việc giúp pháp lý khác, có các quyền và nghĩa vụ như luật sư, trừ quyền bầu và được bầu vào Ban chủ nhiệm và Ban kiểm tra của Đoàn.

Điều 13. — Các hình thức giúp đỡ pháp lý của luật sư bao gồm:

1. Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị can, bị cáo hoặc đại diện cho người bị hại và các đương sự khác trong các vụ án hình sự, kể cả các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự; đại diện cho các bên đương sự trong các vụ án dân sự, hôn nhân, gia đình và lao động.

2. Làm tư vấn pháp luật cho các tổ chức kinh tế Nhà nước, tập thể và tư nhân, kể cả các tổ chức kinh tế nước ngoài.

3. Làm các dịch vụ pháp lý khác cho công dân và tổ chức.

Điều 14. — Khi tham gia tố tụng, luật sư có quyền:

1. Bình đẳng với các thành phần khác trước Tòa án; không buộc phải làm chứng về những vấn đề biết được khi làm nhiệm vụ bào chữa cho bị can, bị cáo hoặc đại diện cho các đương sự khác;

2. Nghiên cứu hồ sơ vụ án, đề xuất chứng cứ, gặp riêng bị can, bị cáo, đương sự; đề nghị bổ sung hồ sơ, trưng cầu giám định và đưa ra những đề nghị cần thiết khác;

3. Đề nghị thay đổi người tiến hành, người tham gia tố tụng;

4. Tham gia thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa, đề nghị biện pháp xử lý bị cáo, bồi thường thiệt hại và các biện pháp giải quyết tranh chấp dân sự, hôn nhân, gia đình và lao động;

5. Đọc, yêu cầu bổ sung, đính chính biên bản phiên tòa;

6. Kháng cáo bản án và quyết định của Tòa án trong trường hợp làm bào chữa hoặc đại diện cho bị cáo, đương sự là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần.

Khi tham gia tố tụng, luật sư có thể có những quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. — Luật sư không được bào chữa hoặc đại diện trong vụ án, nếu:

1. Đã tiến hành hoặc tham gia tố tụng đối với vụ án với tư cách là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch;

2. Là người thân thích của điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân đã hoặc đang tiến hành tố tụng đối với vụ án đó.

Điều 16. — Một luật sư có thể bào chữa cho nhiều bị can, bị cáo hoặc đại diện cho nhiều đương sự trong cùng một vụ án, nếu quyền lợi của họ không đối lập nhau.

Nhiều luật sư có thể bào chữa cho một bị can, bị cáo hoặc đại diện cho một đương sự.

Điều 17. — Khi làm tư vấn pháp luật cho các tổ chức kinh tế nói ở khoản 2 điều 13 của Pháp lệnh này, luật sư có quyền đại diện cho các tổ chức đó trong các vụ tranh chấp được đưa ra trước Trọng tài kinh tế hoặc cơ quan xét xử khác.

Điều 18. — Luật sư có nghĩa vụ.

1. Sử dụng các biện pháp được pháp luật quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự khác;

2. Không được từ chối bào chữa cho bị can, bị cáo hoặc đại diện cho đương sự mà mình đã đảm nhận hoặc đã được chỉ định, nếu không có lý do chính đáng;

3. Không được tiết lộ những bí mật mà mình biết được trong khi làm nhiệm vụ giúp đỡ pháp lý.

Điều 19. — Luật sư có thể giúp đỡ pháp lý ngoài phạm vi địa phương mình.

Chương IV

THÙ LAO CỦA LUẬT SƯ, QUỸ ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 20. — Công dân và tổ chức nhờ luật sư giúp đỡ pháp lý phải trả tiền thù lao.

Chế độ trả tiền thù lao và những trường hợp được miễn, giảm do Quy chế Đoàn luật sư quy định.

Điều 21. — Luật sư nhận tiền thù lao thông qua Đoàn luật sư theo tỷ lệ từ 70% đến 80% tiền thù lao cho mỗi vụ việc. Tỷ lệ cụ thể do Hội nghị toàn thể Đoàn luật sư quyết định.

Điều 22. — Chế độ bảo hiểm xã hội đối với luật sư và nhân viên giúp việc của Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 23. — Mỗi Đoàn luật sư có quỹ của mình. Quỹ này được lập từ phần trích tiền thù lao và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

Việc sử dụng quỹ của Đoàn luật sư do Hội nghị toàn thể Đoàn luật sư quyết định theo Quy chế Đoàn luật sư.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. — Việc khen thưởng và kỷ luật đối với Đoàn luật sư và luật sư do Quy chế Đoàn luật sư quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 25. — Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế Đoàn luật sư sau khi lấy ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam
Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

THÔNG CÁO
của Hội đồng Nhà nước.

Ngày 11 tháng 3 năm 1988 Hội đồng Nhà nước đã họp phiên bất thường dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Vũ Chí Công.

1. Hội đồng Nhà nước đã đề một phút mặc niệm cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng.

Xét công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, Hội đồng Nhà nước đã quyết định truy tặng cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng Huân chương Sao vàng.

2. Từ nay đến khi Quốc hội bầu Chủ tịch mới của Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước quyết định Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Bộ trưởng Vũ Văn Kiệt Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng Nhà nước số 66-NQ/HĐNN8 ngày 24-3-1988 về việc kiện toàn một bước các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng; Cử và miễn nhiệm một số thành viên của Hội đồng Bộ trưởng.

**HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 28 Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Quyền Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

a) Kiện toàn một bước các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng:

1. Thành lập Bộ Kinh tế đối ngoại trên cơ sở sáp nhập Bộ Ngoại thương và Ủy ban Kinh tế đối ngoại.

2. Thành lập Bộ Xây dựng (mới) trên cơ sở sáp nhập Bộ Xây dựng và Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

3. Sáp nhập Tổng cục Điện tử và kỹ thuật tin học vào Bộ Cơ khí và Luyện kim để tổ chức lại và phát triển ngành điện tử và kỹ thuật tin học.

b) Cử và miễn nhiệm một số thành viên của Hội đồng Bộ trưởng:

1. Đồng chí Vũ Văn Kiệt thôi giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Đồng chí Đậu Ngọc Xuân, Bộ trưởng, Phó Chủ nhiệm thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

09653986
Tel: +848-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com